



Trung tâm Tin học và
Thống kê

Cục Chế biến và Phát triển
thị trường nông sản

Viện Chính sách và Chiến
lược Phát triển nông nghiệp
nông thôn

THÔNG TIN THAM KHẢO ĐỊNH KỲ VỀ THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THÁNG 2/2020

1

Tổng giá trị xuất khẩu nông, lâm, thủy sản 2 tháng đầu năm 2020 ước đạt 5,34 tỷ USD, giảm 2,8% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 2,5 tỷ USD, giảm 4,3%; Giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt 932 triệu USD, giảm 15,9%; Giá trị xuất khẩu chăn nuôi ước đạt 74 triệu USD, giảm 9,6%; Giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 1,62 tỷ USD, tăng 10,2%. Trong 2 tháng đầu năm 2020, bốn thị trường xuất khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản chính của Việt Nam gồm Trung Quốc (*chiếm thị phần 38,8%, giá trị giảm 15,3%*), Mỹ (*chiếm thị phần 23,8%, giá trị tăng 15,8%*), EU (*chiếm thị phần 12,2%, giá trị giảm 11,7%*), ASEAN (*chiếm thị phần 9,7%, giá trị giảm 0,3%*), Nhật Bản (*chiếm thị phần 8,2%, giá trị giảm 7,1%*) và Hàn quốc (*chiếm thị phần 5,8%, giá trị giảm 10,1%*).

Trong khi đó, tổng giá trị nhập khẩu nông, lâm, thủy sản 2 tháng đầu năm 2020 đạt 4,32 tỷ USD, giảm 6,7% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá trị nhập khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản chính ước đạt 3,45 tỷ USD, giảm 10,2% so với cùng kỳ năm 2019.

Xuất khẩu nông sản trong tháng 2/2020 gặp khó khăn do tác động của dịch Covid-19, thị trường xuất khẩu các sản phẩm chủ lực của Việt Nam là Trung Quốc - tâm điểm của dịch bệnh, do đó nhiều biện pháp hành chính, tăng cường giám sát, kiểm tra được áp dụng, bao gồm cả đóng cửa biên giới trong các tuần đầu tháng 2. Điều này khiến cho nông sản của Việt Nam, nhất là trái cây, thủy sản bị tồn, ách tắc tại các cửa khẩu. Với sự vào cuộc của các Bộ, ngành liên quan, cửa khẩu giao dịch với Trung Quốc đã được mở, giúp thông quan hàng hóa nhanh chóng, góp phần thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang Trung Quốc.

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ NÔNG SẢN CHỦ LỰC

1. Lúa gạo

Khối lượng gạo xuất khẩu tháng 2/2020 ước đạt 485 nghìn tấn với giá trị đạt 213 triệu USD, đưa tổng khối lượng gạo xuất khẩu 2 tháng đầu năm 2020 đạt 895 nghìn tấn với giá trị 410 triệu USD, tăng 27% về khối lượng và tăng 32,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Giá gạo xuất khẩu bình quân tháng 1/2020 đạt 478 USD/tấn, tăng 7% so với cùng kỳ năm 2019. Philippin đứng vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tháng 1 năm 2020 với 31,2% thị phần. Xuất khẩu gạo sang thị trường này trong tháng 1 năm 2020 đạt 135,2 nghìn tấn và 61,4 triệu USD, giảm 37,5% về khối lượng và giảm 30,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Tháng 1 năm 2020, các thị trường có giá trị xuất khẩu gạo tăng mạnh là Mozambique (gấp 5,04 lần), Trung Quốc (gấp 2,76 lần) và Angola (2,57 lần). Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu gạo giảm mạnh nhất là Hồng Kông (giảm 80,7%).

Về chủng loại xuất khẩu, trong tháng 1/2020, giá trị xuất khẩu gạo jasmine và gạo thơm chiếm 39,4% tổng kim ngạch; gạo trắng chiếm 36,1%; gạo japonica và gạo giống Nhật chiếm 13,8%; và gạo nếp chiếm 10,6%. Các thị trường xuất khẩu gạo jasmine và gạo thơm lớn nhất của Việt Nam là Irắc (41,0%), Philippines (16,2%) và Ghana (7,4%). Với gạo trắng, thị trường xuất khẩu lớn nhất là Philippines (58,1%), Hàn Quốc (13,3%) và Malaysia (7,8%). Với gạo Japonica và gạo giống Nhật, thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam là Kiribati (73,8%), Đảo quốc Solomon (4,7%) và Philippines (4,3%). Với gạo nếp, thị trường xuất khẩu lớn là Trung Quốc (49,3%), Phillipines (30,7%) và Malaysia (11,6%).

Trên thị trường thế giới, giá xuất khẩu gạo Việt Nam tăng lên mức cao hơn một năm do nhu cầu mạnh mẽ từ Philippin và Malaysia, trong khi giá gạo xuất khẩu Ấn Độ giữ ổn định ở mức cao hơn bốn tháng, giá gạo Thái Lan tăng so với tháng trước. Giá gạo 5% tấm của Việt Nam đạt mức cao 380 USD/tấn, tăng mạnh so với 355 - 360 USD/tấn đầu tháng. Gạo đồ 5% tấm của Ấn Độ được chào bán ở mức 371 - 376 USD/tấn, tăng nhẹ so với 370 - 375 USD/tấn đầu tháng. Giá gạo tiêu chuẩn 5% tấm của Thái Lan ở mức 430 - 445 USD/tấn, tăng so với 439 USD/tấn đầu tháng 2. Nhu cầu gạo Thái Lan trầm lắng và những lo ngại về nguồn cung vẫn tồn tại do hạn hán. Dự báo giá gạo xuất khẩu của Việt Nam có thể tăng do hiện tại vẫn thấp hơn đáng kể so với các nước sản xuất gạo khác.

Thị trường lúa, tại khu vực ĐBSCL giá lúa giảm so với tháng trước. Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, tại An Giang, lúa IR50404 đầu tháng có lúc giảm xuống 4.250 đ/kg, nhưng đã tăng trở lại mức 4.400 đ/kg; lúa OM 5451 giảm 500 đ/kg xuống 4.800 đ/kg; lúa OM 6976 giảm 100 đ/kg xuống còn 4.600 đ/kg; gạo thường ở mức 10.000 đ/kg; gạo thơm đặc sản Jasmine ở mức 14.500 đ/kg. Tại Vĩnh Long, lúa IR50404 giảm 250 đ/kg xuống còn 4.550 đ/kg (lúa ướt), lúa hạt dài giảm 550 đ/kg xuống 4.850 đ/kg (lúa ướt). Tại Kiên Giang, lúa IR50404 ổn định ở mức 5.400 đ/kg; lúa OM 4218 giảm 100 đ/kg xuống còn 5.800 - 6.000 đ/kg; lúa OM 6976 không đổi ở mức 6.000 - 6.200 đ/kg.

Dịch châu chấu từ đầu năm 2020 đến nay đã và đang gây ảnh hưởng lớn đến khu vực Đông Phi và Nam Á. Với hàng trăm nghìn hecta cây trồng bị phá hủy, Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc (FAO) cũng đã cảnh báo đợt bùng phát dịch châu chấu này sẽ đe dọa an ninh lương thực ở các khu vực vốn đã thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi lũ lụt và hạn hán này. Đến cuối tháng 2/2020, dịch châu chấu đang bắt đầu có tác động đến Trung Quốc, đặc biệt là ở các tỉnh vùng biên phía Tây như Tân Cương, Tây Tạng, Vân Nam...; mặc dù các chuyên gia nhận định nguy cơ ảnh hưởng có thể không quá lớn do những đàn côn trùng gây hại không gặp hướng gió thuận lợi và cũng không đủ khả năng vượt qua được "bức tường tự nhiên" là dãy Himalaya để có thể tiến sâu vào nội địa Trung Quốc. Dự báo dịch châu chấu khó có thể được dập tắt dễ dàng do vào tháng 3/2020 là thời điểm mùa mưa tăng thúc đẩy thảm thực vật phát triển khiến châu chấu có thể còn phát triển mạnh hơn, chỉ đến khoảng tháng 6/2020, khi thời tiết khô hạn hơn, mới có thể kiềm chế sự sinh sôi của chúng một cách tự nhiên.

Dịch Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp tại Trung Quốc, và có thể gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất nông sản của nước này. Dịch bệnh cũng đang lây lan mạnh ở các quốc gia như Hàn Quốc, Nhật Bản, Iran và Ý. Mặc dù có gây ảnh hưởng đến thương mại nông sản Việt – Trung, nhưng theo nhận định của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc, dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng không đáng kể đối với ngành gạo Việt Nam.

3

2. Rau quả

Giá trị xuất khẩu rau quả tháng 2 năm 2020 ước đạt 232 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu rau quả 2 tháng đầu năm 2020 đạt 513 triệu USD, giảm 11,9% so với cùng kỳ năm 2019. Trung Quốc đứng vị trí thứ nhất về thị trường nhập khẩu rau quả của Việt Nam trong tháng 1 năm 2020 với 61,8% thị phần. Xuất khẩu rau quả sang thị trường này trong tháng 1 năm 2020 đạt 173,6 triệu USD, giảm 32,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Các thị trường có giá trị xuất khẩu rau quả tăng mạnh là Lào (gấp 5,17 lần), Thái Lan (gấp 2,62 lần) và Nga (gấp 2,24 lần). Ngược lại thị trường có giá trị xuất khẩu rau quả giảm mạnh nhất là Hà Lan (giảm 38%). Giá trị xuất khẩu tháng 1 giảm do nhiều mặt hàng xuất khẩu chính giảm như: thanh long đạt 107,2 triệu USD (chiếm 38,2%; giảm 13,5%); nhãn đạt 12,5 triệu USD (chiếm 4,5%; giảm 77,8%); dưa hấu đạt 8,7 triệu USD (chiếm 3,1%; giảm 34,3%); chanh đạt 8,2 triệu USD (chiếm 2,9%; giảm 10,2%); sầu riêng đạt 7,8 triệu USD (chiếm 2,8%; giảm 30,1%); ớt đạt 5,6 triệu USD (chiếm 2%; giảm 21,3%).

Về giá trị nhập khẩu mặt hàng rau quả tháng 2/2020 ước đạt 101 triệu USD, đưa tổng giá trị mặt hàng rau quả nhập khẩu 2 tháng đầu năm 2020 đạt 215 triệu USD, giảm 23,7% so với cùng kỳ năm 2019. Hoa Kỳ, Trung Quốc, Thái Lan, Ôxtrâyliya và Myanmar là các thị trường cung cấp rau quả nhập khẩu lớn nhất cho Việt Nam, với tổng tỷ trọng chiếm 80,5% tổng giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam. Tháng 1 năm 2020, các thị trường có giá trị nhập khẩu rau quả tăng mạnh là Chi lê (gấp 4,86 lần), Myanmar (gấp 2,17 lần), Campuchia (tăng 68%), Nam Phi (tăng 41,3%) và Hoa Kỳ đạt (tăng 19,4%). Giá trị nhập khẩu rau quả giảm mạnh nhất là Thái Lan (giảm 84,9%), Ấn Độ (giảm 74,2%) và Israel (giảm 65,8%)

Trong tháng 2/2020, thị trường rau quả trong nước biến động thất thường với từng loại rau quả khác nhau. Đối với mặt hàng rau củ, tại tỉnh Lâm Đồng – nơi cung cấp rau củ lớn nhất cả nước có nhiều biến động. Trong khi các loại nông sản như hành tây, cà chua, xà lách, súp lơ có giá cao từ 17.000-35.000 đ/kg thì bắp cải chỉ còn 1.000đ/bắp, ớt chuông rớt giá còn 8.000 đồng/kg. Nguyên nhân giá những loại rau củ này giảm là do nhiều vùng khác trong nước cũng sản xuất được. Hơn nữa, do tác động bởi dịch bệnh Covid-19 nên việc xuất khẩu các loại rau này sang thị trường Trung Quốc, Campuchia gặp nhiều khó khăn dẫn đến các thương lái đồng loạt ngưng gom hàng.

Đối với một số mặt hàng trái cây như thanh long, mít, sầu riêng... vào thời điểm đầu tháng do khó khăn về công tác vận chuyển thông quan qua cửa khẩu biên giới Việt – Trung, giá đã giảm sâu xuống 5-6 lần. Tuy nhiên, Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và PTNT đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn, như kêu gọi các doanh nghiệp trong nước thu mua, trao đổi với phía bạn – Trung Quốc, mở lại cửa khẩu với sự kiểm soát chặt chẽ, giá thành những trái cây này đã tăng trở lại. Hiện giá thanh long ở Bình Thuận đã tăng lên từ 14.000 – 16.000 đ/kg tại vườn.

Đến nay, ngành rau quả vẫn quá phụ thuộc vào một số thị trường truyền thống như Trung Quốc, đã khiến cho không ít doanh nghiệp xuất khẩu, nhà vườn gặp nhiều khó khăn mỗi khi nước này thay đổi chính sách nhập khẩu. Tác động của dịch Covid-19 bùng phát tại nước này đã khiến các giao dịch thương mại nông sản qua biên giới Việt – Trung bị tắc nghẽn, điều này cho thấy cần phải tái cơ cấu thị trường, mở cửa và đa dạng hóa thị trường, đặc biệt là các thị trường như: Châu Phi, Tây Nam Á, Mỹ, Nhật Bản, EU... để tránh rủi ro vì phụ thuộc vào một số ít những thị trường nhất định. Bên cạnh đó, Nghị viện EU đã chính thức bỏ phiếu phê chuẩn Hiệp định Thương mại tự do (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ đầu tư (EVIPA) giữa Việt Nam và EU vào ngày 12/2/2020. Đây là cơ hội cho doanh nghiệp mở rộng thị trường xuất khẩu rau quả bởi mặt hàng này sẽ được xóa bỏ thuế ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực.

4

3. Sản

Xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản tháng 2 năm 2020 ước đạt 171 nghìn tấn tương đương với 54 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu 2 tháng đầu năm 2020 ước đạt 383 nghìn tấn tương ứng với 127 triệu USD, giảm 0,06% về khối lượng và giảm 0,16% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Giá xuất khẩu sản và sản phẩm sản bình quân 2 tháng đầu năm 2020 ước đạt 332 USD/tấn, giảm 10% so với cùng kỳ năm trước.

Xét về cơ cấu sản phẩm, trong 2 tháng đầu năm 2020 xuất khẩu sản lát ước đạt 130 nghìn tấn, tương đương 27 triệu USD, tăng 39,6% về lượng và 72,2% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu tinh bột sản ước đạt 253 nghìn tấn và 101 triệu USD, tương đương giảm 19,5% về lượng và 25,6% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Nguồn cung sản lát thiếu hụt đã đẩy giá xuất khẩu sản lát của Việt Nam tăng mạnh trong 2 tháng đầu năm 2020 ở mức 208 USD/tấn, tăng 23,4% so

với cùng kì năm trước. Trong khi đó giá xuất khẩu bình quân tinh bột sắn giảm nhẹ do ảnh hưởng của dịch Covid-19, đạt 398 USD/tấn, giảm 7,6% so với cùng kì năm trước.

Xét về cơ cấu thị trường, Trung Quốc vẫn tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, chiếm 93% thị phần xuất khẩu. Trong tháng 1/2020, Trung Quốc nhập khẩu sắn và sản phẩm từ sắn của Việt Nam là 199 nghìn tấn tương đương 67,5 triệu USD, giảm 21,1% về lượng và 25,1% về giá trị so với cùng kì năm 2019. Dịch Covid-19 đã tác động đến cầu nhập khẩu của Trung Quốc trong thời gian gần đây khi phía Trung Quốc quyết định kéo dài thời gian đóng cửa các chợ biên giới và tiếp tục tạm dừng hoạt động trao đổi hàng hóa cư dân biên giới.

Dự báo trong thời gian tới, xuất khẩu sắn và sản phẩm sắn sẽ tiếp tục trầm lắng do nhu cầu mua hàng từ phía Trung Quốc không tăng đáng kể và dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp.

4. Cà phê

Xuất khẩu cà phê tháng 2 năm 2020 ước đạt 177 nghìn tấn với giá trị đạt 295 triệu USD, lũy kế xuất khẩu cà phê 2 tháng đầu năm 2020 đạt 322 nghìn tấn và 542 triệu USD, tăng 1,8% về khối lượng nhưng giảm 1,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Giá cà phê xuất khẩu bình quân tháng 1 năm 2020 đạt 1.699 USD/tấn, giảm 2,5% so với cùng kỳ năm 2019. Đức và Hoa Kỳ tiếp tục là hai thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam trong tháng 1 năm 2020 với thị phần lần lượt là 15,1% và 10%. Trong tháng 1 năm 2020 giá trị xuất khẩu cà phê giảm tại hầu hết các thị trường ngoại trừ thị trường Ba Lan (tăng 57,5%).

Giá cà phê thế giới biến động giảm trong tháng 2/2020. So với tháng trước, giá cà phê Robusta giao tháng 3/2020 thị trường London giảm 69 USD/tấn xuống còn 1.265 USD/tấn. Giá cà phê giảm do đồng Reais giảm khiến Brazil đẩy mạnh bán cà phê vụ mới sắp thu hoạch, trong khi lo ngại rủi ro và dịch bệnh Covid-19 gia tăng khiến sức mua trên thị trường hàng hóa toàn cầu chậm lại.

Thị trường cà phê trong nước biến động tăng nhẹ trong tháng qua. So với tháng 1/2020, giá cà phê vối nhân xô các tỉnh Tây Nguyên tăng 100 – 300 đ/kg lên mức 31.200 – 31.500 đ/kg. Dự báo, trong ngắn hạn, giá cà phê có xu hướng giảm do ảnh hưởng của dịch bệnh tại Trung Quốc và một số nước trên thế giới.

Trong năm 2020, dự báo giá cà phê trên thị trường toàn cầu sẽ chịu áp lực giảm giá khi nguồn cung toàn cầu được dự báo có khả năng tăng. Theo thống kê của Viện Địa lý và Thống kê Brazil (IBGE) dự báo sản lượng cho vụ mùa cà phê sắp tới là 3,4 triệu tấn, tương đương 56,4 triệu bao 60 kg, tăng 12,9% so với năm 2019. Vụ mùa cà phê Arabica năm 2020 rơi vào chu kỳ tăng, là năm cây cà phê phục hồi sinh lý do sản lượng của năm trước thấp hơn. Sản lượng cà phê Arabica ước tính đạt 2,5 triệu tấn, tương đương 42,2 triệu bao 60 kg, tăng 22,1% so với năm 2019. Bên cạnh đó, nguồn cung cà phê toàn cầu sẽ được bổ sung khi vụ thu hoạch cà phê Robusta tại khu vực phía Nam đảo Sumatra sẽ bắt đầu vào tháng 3/2020. Đồng thời, thị trường cà phê Đông Nam Á cũng có dấu hiệu tăng bán sau kỳ nghỉ

Tết Âm lịch khiến thị trường chịu thêm sức ép dư cung. Ngoài ra, đồng USD tăng so với các đồng tiền chủ chốt trong giỏ tiền tệ thế giới và các nhà đầu tư tiếp tục đứng bên ngoài giao dịch cũng sẽ khiến giá cà phê giảm.

Sau kỳ lễ hội Carnival, Brazil tiếp tục đẩy mạnh bán ra và đồng Reias suy yếu tiếp tục gây áp lực lên giá cà phê trong tháng 3/2020.

5. Chè

Khối lượng xuất khẩu chè tháng 2 năm 2020 ước đạt 10 nghìn tấn với giá trị đạt 14 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu chè 2 tháng đầu năm 2020 đạt 18 nghìn tấn và 27 triệu USD, tăng 2,2% về khối lượng nhưng giảm 10,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Giá chè xuất khẩu bình quân tháng 1 năm 2020 đạt 1.547 USD/tấn, giảm 12,4% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong tháng 1/2020, xuất khẩu chè sang hầu hết các thị trường đều giảm đáng kể do hoạt động xuất khẩu chè bị gián đoạn bởi kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán của Việt Nam vào cuối tháng 01/2020. Trong đó, xuất khẩu chè sang 4 thị trường chính (chiếm 64% về khối lượng và 72% về giá trị trong tổng xuất khẩu chè của Việt Nam), bao gồm Pakistan, Nga, Đài Loan, Indonesia, lần lượt giảm 30,8%, 42,1%, 46,9% và 17,9% về khối lượng so với tháng 1/2019.

6

Đáng chú ý, thị phần của Trung Quốc trong tổng xuất khẩu chè của Việt Nam giảm mạnh trong tháng đầu năm 2020. Cụ thể, tháng 1/2020, xuất khẩu chè sang Trung Quốc chỉ đạt 236 tấn, tương đương 270 nghìn USD, giảm 58,5% về khối lượng và giảm 89,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Theo đó, thị phần của Trung Quốc cũng đã giảm từ 12,5% xuống chỉ còn 2,2%. Trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, xuất khẩu chè của Việt Nam sang Trung Quốc có thể sẽ còn gặp khó khăn trong thời gian tới.

Đối với thị trường trong nước, giá chè nguyên liệu sau Tết nguyên đán khá bình ổn, không có quá nhiều biến động. Tại Thái Nguyên, giá chè cành chất lượng cao giữ mức 220.000 đ/kg, chè xanh búp khô ổn định ở mức 105.000 đ/kg, chè xanh búp khô (đã sơ chế loại 1) 140.000 đ/kg. Hiện chưa có dấu hiệu nào cho thấy giá chè trong nước sẽ biến động mạnh trong thời gian tới.

6. Tiêu

Khối lượng tiêu xuất khẩu tháng 2 năm 2020 ước đạt 21 nghìn tấn, với giá trị đạt 49 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu tiêu 2 tháng đầu năm 2020 đạt 36 nghìn tấn và 84 triệu USD, tăng 1,1% về khối lượng nhưng giảm 15,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Giá tiêu xuất khẩu bình quân tháng 1 năm 2020 đạt 2.443 USD/tấn, giảm 17% so với cùng kỳ năm 2019. Các thị trường xuất khẩu tiêu lớn nhất của Việt Nam trong tháng 1 năm 2020 là Hoa Kỳ, Ấn Độ, Pakistan, Đức và Thái Lan với 46,6% thị phần. Thị trường có giá trị xuất khẩu tiêu tăng mạnh nhất là Ucraina (tăng gấp 7,42 lần).

Đáng chú ý, xuất khẩu tiêu sang Trung Quốc giảm mạnh do tác động tiêu cực từ dịch bệnh Covid-19. Trong tháng 1/2020, Việt Nam chỉ xuất khẩu sang

Trung Quốc được khoảng 511 tấn hạt tiêu, giảm 74% so với tháng 1/2019. Hạt tiêu được xuất sang Trung Quốc chủ yếu qua các cửa khẩu Lào Cai và Thanh Thủy (Hà Giang), chiếm lần lượt 55,9% và 31,8% tổng kim ngạch xuất khẩu. Trong bối cảnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp, để hạn chế tác động từ dịch bệnh Covid-19 tới ngành hồ tiêu, doanh nghiệp cần có sự chuyển đổi hình thức giao nhận hàng, đẩy mạnh xuất khẩu theo đường biển, hay đường sắt liên vận.

Giá hạt tiêu trong nước vẫn tiếp tục giảm tháng 2/2020, với mức giảm 2.000 đ/kg. Hiện tại, giá tiêu tại Bà Rịa-Vũng Tàu đang là 39.500 đ/kg; tại Đắk Lắk, Đắk Nông là 38.000 đ/kg; tại Bình Phước là 38.500 đ/kg; tại Gia Lai và Đồng Nai là 37.000 đ/kg.

Vụ thu hoạch chính của hồ tiêu Việt Nam đã chính thức bắt đầu, điều này sẽ tiếp tục gây áp lực lên giá tiêu trong thời gian tới. Do vậy, giá tiêu toàn cầu được dự báo vẫn sẽ duy trì ở mức thấp trong năm 2020, đặc biệt là 6 tháng đầu năm. Vào cuối năm, việc Ủy ban Liên minh châu Âu (EU) đã thông qua Dự thảo quy định, mức dư lượng tối đa của tất cả các sản phẩm có chứa hoạt chất Chlorpyrifos và Chlorpyrifos-methyl sẽ giảm xuống 0,01 mg/kg và sẽ có hiệu lực vào tháng 10/2020. Việc thông qua mức dư lượng tối đa cho phép mới sẽ ảnh hưởng mạnh vào xu hướng giảm giá tiêu đang diễn ra do nông dân phải bắt đầu tìm thuốc trừ sâu sinh học khác để thay thế chlorpyrifos với chi phí cao hơn nhiều nếu muốn giữ sản lượng.

7

7. Điều

Trong tháng 02/2020, khối lượng điều nhân Việt Nam xuất ước đạt 21 nghìn tấn với giá trị 149 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu hạt điều 2 tháng đầu năm 2020 đạt 46 nghìn tấn và 322 triệu USD, giảm 3,9% về khối lượng và giảm 17,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Hoa Kỳ, Hà Lan và Trung Quốc vẫn duy trì là 3 thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam chiếm thị phần lần lượt là 31%, 12% và 10,3% tổng giá trị xuất khẩu hạt điều. Trong tháng 1/2020 giá trị xuất khẩu điều giảm ở hầu hết các thị trường ngoại trừ Nhật Bản tăng 15,8% và thị trường Pháp tăng 14,2%. Giá hạt điều xuất khẩu bình quân tháng 1 năm 2020 đạt 6.990 USD/tấn, giảm 14,1% so với cùng kỳ năm 2019.

Khối lượng điều thô nhập khẩu trong tháng 02/2020 ước đạt 52 nghìn tấn với giá trị đạt 85 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu hạt điều 2 tháng đầu năm 2020 đạt 103 nghìn tấn và 169 triệu USD, giảm 22,4% về khối lượng và giảm 27,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Thị trường nhập khẩu hạt điều chính trong tháng 1 năm 2020 là Tanzania, Indonexia, Bờ Biển Ngà, Nigieria và Campuchia. Nhập khẩu hạt điều từ thị trường Tarzania và Indonexia tăng trong tháng 1/2020, trong đó nhập khẩu từ Indonexia tăng 14,3% so với cùng kỳ năm 2019. Còn các thị trường Bờ Biển Ngà, Nigieria và Campuchia đều cho thấy sự sụt giảm về xuất khẩu hạt điều sang Việt Nam.

Trong tháng 2, giá điều nguyên liệu diễn biến giảm nhẹ so với tháng trước. Cụ thể, điều khô mua xô tại Đắk Lắk từ 33.500 đ/kg vào đầu tháng giảm xuống 33.300 đ/kg; tại Đồng Nai giá điều thô ổn định ở mức 46.000 đ/kg. Tại Bình

Phước, giá hạt điều nguyên liệu chỉ còn 27.000 – 29.000 đ/kg trong khi mức giá trước Tết Nguyên đán đạt xấp xỉ 34.000 đ/kg. Nguyên nhân chính giá giảm là do dịch Covid-19 không chỉ ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh điều mà ngay cả người trồng điều cũng đang chung cảnh vì giá hạt điều giảm mạnh.

Trên thị trường thế giới, giá điều Ấn Độ duy trì ổn định trong tháng qua. Trong đó, điều nhân WW180 giữ ở mức 14.52 USD/kg; điều nhân loại WW210 giữ ở mức 12.99 USD/kg; điều nhân loại WW240 ở mức 10.68 USD/kg; điều nhân loại WW320 ở mức 650 USD/kg. Tháng 2 và 3 được xem là giai đoạn trầm lắng trên thị trường hạt điều Ấn Độ. Các nhà xuất khẩu đang mua điều nguyên hạt cỡ vừa và không mua vào các chủng loại hạt điều vỡ.

Dịch Covid – 19 khiến xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc bị đình trệ, khiến tình trạng tồn kho của các doanh nghiệp phụ thuộc vào thị trường này ở mức cao, đặc biệt đối với điều rang muối. Nếu tình hình dịch diễn biến phức tạp, thị trường Trung Quốc giảm tiêu thụ sẽ gây áp lực giảm giá điều nhân. Do đó, các doanh nghiệp cần cân nhắc thận trọng việc ký hợp đồng mua điều thô nếu chưa có hợp đồng đầu ra hay chưa cân đối được giá bán và chi phí.

8. Cao su

8

Khối lượng xuất khẩu cao su tháng 02/2020 ước đạt 85 nghìn tấn với giá trị 125 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu cao su 2 tháng đầu năm 2020 đạt 176 nghìn tấn và 256 triệu USD, giảm 25,9% về khối lượng và giảm 16,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Giá cao su xuất khẩu bình quân tháng 1 năm 2020 đạt 1.458 USD/tấn, tăng 14,7% so với cùng kỳ năm 2019. Trung Quốc, Ấn Độ và Hàn Quốc là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong tháng 01, chiếm thị phần lần lượt là 73,4%, 3,8% và 2,9%.

Khối lượng nhập khẩu cao su trong tháng 02/2020 ước đạt 61 nghìn tấn với giá trị đạt 102 triệu USD; nâng khối lượng nhập khẩu cao su 2 tháng đầu năm 2020 của Việt Nam lên 114 nghìn tấn, với giá trị 182 triệu USD; tăng 11,8% về khối lượng và tăng 5,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Bốn thị trường nhập khẩu cao su chủ yếu của Việt Nam hiện nay là Hàn Quốc, Campuchia, Nhật Bản và Lào, chiếm 64,4% kim ngạch nhập khẩu cao su của Việt Nam.

Thị trường mủ cao su nguyên liệu trong nước không biến động trong tháng 02/2020. Giá mủ tại Đồng Nai tiếp tục không thay đổi ở mức 12.000 đ/kg.

Giá cao su physical trên thị trường châu Á tăng cùng với xu thế trên thị trường kỳ hạn. Cụ thể, RSS3 Thái Lan ngày 19/2 ở mức 1,59 USD/kg, tăng 0,08 USD/kg; STR20 Thái Lan ở mức 1,40 USD/kg, tăng 0,09 USD/kg; SMR20 Malaysia ở mức 1,36 USD/kg, tăng 0,03 USD/kg; SIR20 Indonesia ở mức 1,38 USD/kg, tăng 0,05 USD/kg với ngày 6/2.

Dự báo trong quý 1/2020, sự bùng phát của dịch Covid-19 ngoài Trung Quốc đã gây ra tác động tới nhiều nền kinh tế dẫn tới suy giảm kinh tế và theo đó nhu cầu về năng lượng khiến giá dầu giảm. Suy giảm kinh tế và nhu cầu năng lượng gây áp lực giảm giá cao su trong quý 1 và quý tới nếu dịch Covid-19 chậm được kiểm soát.

9. Sản phẩm chăn nuôi

Giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi tháng 2/2020 ước đạt 32 triệu USD, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 2 tháng đầu năm ước đạt 74 triệu USD, giảm 9,6% so với cùng kỳ năm 2019.

Tại Trung Quốc, giá thịt lợn hơi trung bình ở nửa cuối tháng 2 giảm nhẹ 0,7% so với tuần trước đó, do chính phủ Trung Quốc đang thực hiện hàng loạt biện pháp nhằm thúc đẩy nguồn cung, bao gồm cả việc tăng trợ cấp để tái đàn, giải phóng kho dự trữ thịt lợn đông lạnh và tăng cường nhập khẩu thịt lợn. Và dịch Covid-19 cũng đang ảnh hưởng tiêu cực tới ngành chăn nuôi gia cầm của Trung Quốc, do các biện pháp phong tỏa người và hàng hóa chưa từng diễn ra tại nước này khiến thức ăn chăn nuôi khan hiếm, thiếu hụt trầm trọng, làm gián đoạn chu kỳ sống ngắn của những đàn gia cầm, theo đó đe dọa tới sản lượng thịt tại Trung Quốc.

Trong tháng 2/2020, giá lợn hơi tại khu vực trên cả nước đều có xu hướng giảm do tái đàn trong dân và những động thái của Chính phủ kêu gọi các doanh nghiệp giảm giá thịt. Cụ thể, tại miền Bắc giá lợn biến động giảm với mức giảm 5.000 – 6.000 đ/kg, bình quân tháng hiện ở khoảng 74.000 - 81.000 đ/kg. Cụ thể, giá tại Hưng Yên ở mức 76.000 - 78.000 đ/kg; Bắc Ninh 74.000 - 76.000 đ/kg; Ba Vì đạt 74.000 - 78.000 đ/kg. Tại thủ phủ nuôi lợn Hà Nam, giá lợn giao dịch trong khoảng 75.000 - 77.000 đ/kg; Vĩnh Phúc, Tuyên Quang, giá phổ biến ở 77.000 - 78.000 đ/kg. Lợn hơi tại Nam Định được thu mua ở 78.000 - 81.000 đ/kg; Thái Nguyên, Phú Thọ ghi nhận trong khoảng 75.000 - 77.000 đ/kg. Giá tại Hà Nội, Lào Cai, Thái Bình đạt 77.000 - 79.000 đ/kg.

Trong tháng 2/2020, giá lợn tại miền Trung, Tây Nguyên cũng biến động giảm với mức giảm 1.000 - 6.000 đ/kg. Cụ thể, giá lợn tại Thanh Hoá dao động trong khoảng 78.000 - 80.000 đ/kg, Hà Tĩnh 77.000 - 78.000 đ/kg. Tại Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, lợn hơi được giao dịch ở mức 80.000 đ/kg. Giá tại Quảng Nam, Bình Định, Bình Thuận đạt 72.000 đ/kg; Quảng Ngãi, Khánh Hoà, Ninh Thuận quanh mức 82.000 - 83.000 đ/kg. Khu vực Tây Nguyên, giá nằm trong khoảng 74.000 - 80.000 đ/kg.

Trong tháng 2/2020, giá lợn hơi tại miền Nam biến động giảm với mức giảm 6.000 - 7.000 đ/kg. Giá lợn tại Đồng Nai, Tiền Giang, Trà Vinh, Bạc Liêu, Vĩnh Long, Tây Ninh, Bến Tre, Vũng Tàu ở khoảng 71.000 - 75.000 đ/kg. Tại Đồng Tháp, An Giang, Hậu Giang, Kiên Giang, Cà Mau, Bình Phước, Bình Dương giá phổ biến trong khoảng 76.000 - 78.000 đ/kg. Nhìn chung, giá bình quân toàn khu vực đã xuống còn khoảng 76.000 đ/kg.

Giá gà thịt lông màu tại trại khu vực Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long tháng qua biến động giảm 8.000 – 12.000 đ/kg xuống còn 20.000 – 22.000 đ/kg. Giá gà thịt lông trắng hai khu vực này cũng giảm 8.000 – 9.000 đ/kg hiện ở mức 10.000 – 12.000 đ/kg. Giá trứng gà tại trại giảm 100 – 200 đồng/quả xuống 1.050 đồng/quả. Giá gia cầm giảm do ảnh hưởng của dịch Covid-19, các bếp ăn tập thể tại các khu công nghiệp, trường học gần như tạm nghỉ nên nhu cầu giảm sâu.

Trong khi đó, dịch cúm gia cầm tại một số tỉnh, thành cũng tác động mạnh đến giá gà, vịt.

10. Thủy sản

Giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 2/2020 ước đạt 440 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu thủy sản 2 tháng đầu năm 2020 đạt 932 triệu USD, giảm 15,9% so với cùng kỳ năm 2019. Nhật Bản, Hoa Kỳ, Hàn Quốc và Trung Quốc là 4 thị trường nhập khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam trong tháng 1 năm 2020, chiếm 54,9% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản. Trong tháng 1 năm 2020, các thị trường có giá trị xuất khẩu thủy sản đều giảm trong đó thị trường có giá trị giảm mạnh nhất là Trung Quốc (giảm 40,2%). Về chủng loại xuất khẩu, giá trị xuất khẩu mặt hàng tôm thẻ chân trắng đạt 127,58 triệu USD, giảm 21,15% so với cùng kỳ năm 2019; tôm sú đạt 47,49 triệu USD, giảm 16,64%; cá tra đạt 98,88 triệu USD, giảm 52,72%; cá ngừ đạt 36,69 triệu USD giảm 31,50%; mực và bạch tuộc đạt 32,50 triệu USD giảm 50,98%.

Về thị trường xuất khẩu, Nhật Bản, Mỹ, Hàn Quốc và Trung Quốc là 4 thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong tháng 1/2020. Dịch bệnh Covid-19 đã tác động lớn đến xuất khẩu nông sản ở Việt Nam nói chung và thủy sản nói riêng. Xuất khẩu thủy sản sang các thị trường đều giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang Nhật Bản chiếm 18,02% tổng kim ngạch xuất khẩu, giảm 28,16% so với cùng kỳ năm 2019. Mỹ chiếm 17,62%, giảm 26,34%; Hàn Quốc chiếm 10,27%, giảm 31,53%; Trung Quốc chiếm 8,94%, giảm 43,48%.

Trong khi đó, giá trị nhập khẩu mặt hàng thủy sản tháng 2/2020 đạt 137 triệu USD, đưa tổng giá trị thủy sản nhập khẩu 2 tháng đầu năm 2020 đạt 255 triệu USD, giảm 3,4% so với cùng kỳ năm 2019. Nguồn nhập khẩu thủy sản trong tháng 1 năm 2020 chủ yếu là từ Ấn Độ (chiếm tỷ trọng 20,2%), Na Uy (14,5%), Indonexia (12,4%), Trung Quốc (10,6%) và Nhật Bản (9,5%). So với cùng kỳ năm 2019, giá trị nhập khẩu thủy sản của Việt Nam từ thị trường lớn nhất là Ấn Độ tăng 15,5%, Nhật Bản tăng 2,4%, trong khi nhập khẩu thủy sản từ các thị trường Na Uy, Indonexia và Trung Quốc giảm lần lượt 26,2%, 10% và 30,5%.

Tại thị trường trong nước, giá các mặt hàng thủy sản cũng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 do xuất khẩu giảm. Giá bán buôn cá tra tại ĐBSCL tháng này giảm thêm 1.000 đ/kg dao động trong khoảng 18.000-18.500 đ/kg đối với cá tra loại I (700-900g/con), đây là mức giá thấp nhất trong 10 năm qua.

Sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, thị trường tôm giảm trở lại do nhu cầu tiêu dùng giảm. Giá tôm giảm cũng do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên các công ty chỉ mua cầm chừng do không xuất được. Tại Bạc Liêu, giá tôm sú sống (oxy) cỡ 20 và 30 con/kg tuần này giảm 40.000-120.000 đ/kg so với tháng trước xuống còn lần lượt 180.000 và 260.000 đ/kg so; giá tôm sú ướp đá cỡ 20 con/kg giảm 20.000 đ/kg còn 190.000 đ/kg, cỡ 30 con giảm 10.000 đ/kg còn 160.000 đ/kg, cỡ 40 con/kg giảm 17.000 đ/kg còn 125.000 đ/kg. Giá tôm thẻ ướp cỡ 60 con/kg tháng này giảm 15.000 đ/kg còn 95.000 đ/kg, cỡ 70 con/kg giảm 10.000 đ/kg còn 90.000 đ/kg, cỡ

100 con/kg giảm 3.000 đ/kg còn 82.000-85.000 đ/kg. Hiện nguồn cung tôm không nhiều nhưng lượng thu mua của các nhà máy và thương lái cầm chừng do tình hình xuất sang Trung Quốc vẫn đang ngưng trệ.

Hiệp định EVFTA được Nghị viện Châu Âu phê chuẩn vào ngày 12/02/2020 đã mở ra cơ hội lớn cho xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang thị trường này. Theo cam kết trong Hiệp định, khi EVFTA có hiệu lực trong thời gian tới, sẽ khoảng 840 dòng thuế suất cơ sở, chiếm khoảng 50% số dòng thuế đối với sản phẩm thủy sản sẽ giảm về 0%; số còn lại có lộ trình cắt giảm từ 3 -7 năm.

11. Gỗ và sản phẩm gỗ

Giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tháng 2 năm 2020 ước đạt 693 triệu USD, lũy kế xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ 2 tháng đầu năm 2020 đạt 1,53 tỷ USD, tăng 10,1% so với cùng kỳ năm 2019. Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc duy trì là 4 thị trường nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất của Việt Nam trong tháng 1 năm 2020 với 81,6% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ. Trong tháng 1 năm 2020 giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ giảm tại hầu hết các thị trường, ngoại trừ thị trường Ba Lan (tăng 17,2%) và Trung Quốc (tăng 9,5%). Xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ của Việt Nam sang các thị trường đều giảm do kỳ nghỉ Tết Nguyên đán vào cuối tháng 1/2020 khiến các hoạt động thương mại của các công ty xuất khẩu tạm thời trầm lắng trong khoảng thời gian này.

Giá trị nhập khẩu tháng 2/2020 ước đạt 176 triệu USD, lũy kế nhập khẩu 2 tháng đầu năm 2020 đạt 346 triệu USD, giảm 6,8% so với cùng kỳ năm 2019. Trong tháng 1 năm 2020, 41,4% trong tổng giá trị nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam là từ Trung Quốc, 18,2% từ Hoa Kỳ và 6,6% từ Lào. So với cùng kỳ năm 2019, nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong tháng 1/2020 từ Trung Quốc tăng 15,3%, Lào tăng 5,9% nhưng nhập khẩu từ Mỹ lại giảm 24,9%.

Nhằm tận dụng cơ hội tăng cường xuất khẩu gỗ của Việt Nam cũng như bảo vệ ngành công nghiệp chế biến gỗ trong nước, Việt Nam đã triển khai rất nhiều các biện pháp có thể kể đến như xây dựng bộ tiêu chuẩn FSC Quốc gia cho Quản lý rừng hay tạm ngừng kinh doanh chuyển khẩu, kinh doanh tạm nhập gỗ dán vào Việt Nam để tái xuất sang Mỹ. Cụ thể là:

- Hội đồng quản lý rừng (FSC) Việt Nam chính thức công bố Bộ tiêu chuẩn FSC Quốc gia cho Quản lý rừng Việt Nam vào ngày 7/1/2020. Bộ tiêu chuẩn này là phiên bản được áp dụng ở Quốc gia của Bộ tiêu chuẩn FSC Quốc tế, hệ thống đã được công nhận là hệ thống chứng chỉ rừng đáng tin cậy nhất trên thế giới, có hiệu lực vào ngày 1/5/2020.

- Ngày 12/11/2019, Bộ trưởng Bộ Công thương đã ban thành Thông tư về tạm ngừng kinh doanh chuyển khẩu, kinh doanh tạm nhập gỗ dán vào Việt Nam để tái xuất sang Mỹ thuộc nhóm HS 44.12. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 12 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. Đây là một trong những động thái tích cực của Việt Nam nhằm kiểm soát việc lợi dụng nguồn gốc xuất xứ và lẩn tránh thuế của các doanh nghiệp Trung Quốc.

Trên thị trường thế giới, các diễn biến trái chiều mang lại nhiều cơ hội cũng như thách thức đến với ngành gỗ Việt Nam trong năm 2020. Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung đã có dấu hiệu bắt đầu hạ nhiệt khi hai nước này đã đạt được đàm phán vòng thứ nhất. Vòng đàm phán lần thứ nhất giữa Mỹ và Trung Quốc được ký kết vào ngày 15/01/2020. Theo thỏa thuận, Trung Quốc cam kết sẽ tăng cường mua sắm công hàng hóa và dịch vụ từ Mỹ, trong đó có một số sản phẩm thuộc nhóm gỗ xẻ cứng của Mỹ được liệt kê vào danh sách tăng cường mua sắm công này. Mặc dù vậy, căng thẳng thương mại trong năm 2019 vừa qua cũng có nhiều tác động đến xuất khẩu gỗ của Mỹ sang Trung Quốc. Theo Hội đồng xuất khẩu gỗ cứng Hoa Kỳ, giai đoạn 2009 – 2017, xuất khẩu gỗ cứng từ Mỹ sang Trung Quốc bùng nổ nhưng từ 2018 đến nay căng thẳng thương mại khiến xuất khẩu gỗ cứng của nước này sang Trung Quốc chịu nhiều sức ép. Trong năm 2019, xuất khẩu gỗ xẻ cứng của Mỹ sang Trung Quốc giảm tới 40%. Theo đánh giá, sự suy giảm này gây tổn hại lớn đến ngành gỗ của Mỹ trong năm qua.

Ở thị trường EU, các nhà sản xuất trong nước đang phải đối mặt với vấn đề thiếu hụt nguồn cung gỗ nguyên liệu trong khối. Theo ITTO, sự thiếu đầu tư trong phát triển thị trường gỗ cứng ở EU đã khiến cho một lượng lớn gỗ tròn của khối này được khai thác và xuất khẩu ra thị trường thế giới. Hạn hán và sâu bệnh khiến cho nguồn cung gỗ nội khối suy giảm cả về khối lượng lẫn chất lượng. Việc này gây suy giảm nguồn cung chỗ chế biến nội khối, gây suy giảm khả năng cạnh tranh của ngành hàng này trong khối EU.

Dự báo, trong thời gian tới ngành gỗ có thêm cơ hội để phát triển thương hiệu và giá trị của mình trước những tín hiệu tốt của thị trường như sau:

- Tại thị trường Mỹ, dự báo nhu cầu đồ gỗ nội ngoại thất của Mỹ tăng trưởng trong 2020 nhờ sự phục hồi của thị trường nhà đất. Thị trường nhà ở tại Mỹ đến cuối năm 2019 đạt mức cao nhất trong vòng 13 năm trở lại đánh dấu sự thăng trường trở lại của thị trường nhà ở nước này. Thị trường này phục hồi trở lại sau khi Cục Dự trữ Liên bang cắt giảm lãi suất 3 lần trong năm ngoái và cắt giảm tỷ lệ thế chấp. Đây là dấu hiệu tốt cho các nhà xuất khẩu nội ngoại thất của Việt Nam. Ngoài ra, gần đây, Nghiệp đoàn người sản xuất gỗ xẻ Mỹ đã đệ đơn lên Cục thương mại và Ủy ban thương mại quốc tế Mỹ về việc chống bán phá giá và áp thuế tự vệ đối với sản phẩm khung gỗ từ Brazil và Trung Quốc. Ủy ban Thương mại quốc tế Mỹ đang kỳ vọng nhận được phản hồi từ các nhà sản xuất bị cáo buộc vào cuối tháng 1. Những rắc rối về thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc, Brazil cũng sẽ tạo nhiều cơ hội cạnh tranh cho các nhà xuất khẩu của Việt Nam.

- Tại thị trường EU, trong khi xuất khẩu đồ gỗ nội ngoại thất của khối này suy giảm thì nhập khẩu nhóm sản phẩm này bắt đầu tăng trong năm 2019. Theo ITTO, căng thẳng thương mại Mỹ - Trung đã khiến các nhà xuất khẩu Trung Quốc tìm kiếm và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu của họ và thị trường EU là đích đến mới của họ. Dẫn dắt xu hướng tăng nhập khẩu đồ gỗ có nguồn gốc gỗ nhiệt đới là sự thâm nhập thị trường EU của các nhà xuất khẩu lớn đến từ Việt Nam, Ấn Độ và gần đây nhất là Indonesia. Như vậy, cạnh tranh với các sản phẩm gỗ từ Trung Quốc trên thị trường EU sẽ mạnh hơn đôi với các sản phẩm từ Việt Nam.

Để tận dụng tối đa lợi thế và nắm bắt cơ hội nêu trên, các doanh nghiệp cần sẵn sàng đầu tư cho những giá trị gia tăng như thiết kế và thương hiệu. Đây là cách để ngành gỗ Việt Nam nâng tầm sản phẩm xuất khẩu của mình. Nhà nước cũng cần tích cực đẩy mạnh hoàn thiện và ban hành hồ sơ, tài liệu để vận hành hệ thống Chứng chỉ rừng Việt Nam bảo đảm đúng quy định và phù hợp thông lệ quốc tế. Để có nguồn nguyên liệu bảo đảm cho xuất khẩu, ngành lâm nghiệp đang tập trung xây dựng và đi vào sản xuất các vùng nguyên liệu gỗ và lâm sản theo quy hoạch, bảo đảm chứng chỉ rừng quốc gia.

MỘT SỐ LƯU Ý TRONG THÁNG TỚI

Đối với một số ngành hàng có những điểm cần lưu ý trong tháng tới như sau:

- **Ngành gạo:** Nhìn chung trong thời gian sắp tới, ngành gạo Việt Nam có thể mở rộng cơ hội xuất khẩu sang Đông Phi, do các quốc gia này có khả năng cao phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt lương thực trầm trọng do nạn châu chấu gây ra. Dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng không đáng kể đối với ngành gạo Việt Nam. Các doanh nghiệp cần chuẩn bị các điều kiện về sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng tận dụng tối đa lợi thế khi hiệp định Hiệp định EVFTA chính thức có hiệu lực.
- **Thủy sản:** Dịch bệnh Covid-19 sẽ tác động lớn đến xuất khẩu thủy sản trong thời gian tới, nhất là đối với thị trường Trung Quốc.
- **Rau quả:** Trung Quốc vẫn điều chỉnh thời gian thông quan hàng nông sản tại các cửa khẩu, giao nhận hàng hóa để ngăn chặn dịch bệnh Covid-19. Nhiều giải pháp đã được áp dụng như đưa hàng sang Trung Quốc bằng đường sắt, chỉ cho phép xuất khẩu chính ngạch. Chính vì thế các doanh nghiệp xuất khẩu cần theo dõi sát các thông tin để điều phối hàng hóa phù hợp tránh tập trung hàng quá nhiều tại biên giới khi khả năng thông quan vẫn còn hạn chế.
- **Chăn nuôi:** Theo thông tin từ Cục Thú y, tính đến ngày 11/2 cả nước có 10 ổ dịch cúm gia cầm do chủng virus A/H5N6 gây ra. Dự báo, trong thời gian tới dịch bệnh có thể tiếp tục xảy ra do nhiều nguyên nhân khác nhau như hiện nay tổng đàn gia cầm rất lớn (467 triệu con).
- **Hồ tiêu:** Đáng chú ý, xuất khẩu tiêu sang Trung Quốc giảm mạnh do tác động tiêu cực từ dịch bệnh Covid-19. Trong bối cảnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp, doanh nghiệp cần có sự chuyển đổi hình thức giao nhận hàng, đẩy mạnh xuất khẩu theo đường biển hay đường sắt liên vận.
- **Gỗ và các sản phẩm từ gỗ:** Để tận dụng tối đa lợi thế và nắm bắt cơ hội, các doanh nghiệp cần đầu tư mạnh hơn vào thiết kế và xây dựng thương

hiệu. Đây là cách để ngành gỗ Việt Nam nâng tầm sản phẩm xuất khẩu của mình. Nhà nước cũng cần tích cực đẩy mạnh hoàn thiện và ban hành hồ sơ, tài liệu để vận hành hệ thống Chứng chỉ rừng Việt Nam bảo đảm đúng quy định và phù hợp thông lệ quốc tế. Để có nguồn nguyên liệu bảo đảm cho xuất khẩu, ngành lâm nghiệp đang tập trung xây dựng và đi vào sản xuất các vùng nguyên liệu gỗ và lâm sản theo quy hoạch, bảo đảm chứng chỉ rừng quốc gia.
